

Số: 07/TB-TrMNYT

Trung Nghĩa, ngày 17 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

“V/v công khai kế hoạch vận động tài trợ năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân (thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT).

Trường Mầm non Yên Thành thông báo công khai kế hoạch vận động tài trợ năm học 2024 – 2025 như sau:

- Hình thức công khai: Công khai trong cuộc họp cơ quan và niêm yết tại trụ sở trường Mầm non Yên Thành; đăng tải trên website mnyenthanhy.edu.vn
- Thời gian công khai: Từ ngày 17/10/2024 đến 16/11/2024

(Có biểu chi tiết và dự toán kèm theo)

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Lưu VP



Phạm Thị Sinh

Số: 11 /KH-MNYT

Trung Nghĩa, ngày 10 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 1628/SGDDT ngày 05/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 245/PGDDT ngày 11/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ý Yên về việc thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024-2025;

Căn cứ thông báo dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 số 525/TB-PGDĐT ngày 25/12/2023

Căn cứ kế hoạch số 08/KH- MNYT, ngày 18 tháng 9 năm 2024 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 của trường Mầm non Yên Thành;

Căn cứ biên bản khảo sát cơ sở vật chất đầu năm học 2024 – 2025 của trường mầm non Yên Thành;

Căn cứ biên bản họp thống nhất xây dựng kế hoạch vận động tài trợ của trường mầm non Yên Thành;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương,

Trường Mầm non Yên Thành xây dựng kế hoạch vận động tài trợ năm học 2024-2025 như sau:

I. Mục đích

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tài trợ, ủng hộ để phát triển sự nghiệp giáo dục, hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Đối tượng được hưởng lợi là học sinh trường mầm non.

II. Nội dung vận động:

Vận động các tổ chức, cá nhân tài trợ, ủng hộ để sửa chữa 5 bộ cửa sổ khu Đô Hoàng; mua 1 cây máy tính; mua sắm trang thiết bị Theo Thông tư 02 phục vụ cho công tác giáo dục trẻ bao gồm: mua sắm đồ dùng theo Thông tư 02 cho các lớp 5 tuổi, 4 tuổi, 3 tuổi, Nhà trẻ.

III. Dự toán kinh phí

- Sửa chữa 5 bộ cửa sổ khung nhôm kính khu Đô Hoàng: 11.880.000 đ
- Cây máy vi tính: 15.000.000 đ
- Mua các trang thiết bị theo thông tư 02 cho trẻ: 45.647.000 đ

Cộng:

72.527.000 đ

- **Tổng kinh phí cần huy động: 72.527.000 đồng**
Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng.
(Có dự toán chi tiết kèm theo)

IV. Hình thức vận động tài trợ:

- Nhà trường kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm ủng hộ nhà trường theo hai hình thức:
 - Nhà trường kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm ủng hộ nhà trường theo hai hình thức:
 - + Bằng tiền mặt trực tiếp tại nhà trường.
 - + Bằng hiện vật: Các nhà tài trợ Mua sắm các trang thiết bị, máy móc, tiến hành sửa chữa cơ sở vật chất, bàn giao hiện vật trực tiếp cho nhà trường.

V. Thời gian thực hiện vận động tài trợ

- Trong năm học 2024 - 2025

VI. Cách thức tổ chức thực hiện:

1. Ban giám hiệu nhà trường thống nhất hội đồng sư phạm về nội dung và phương thức huy động tài trợ.
2. Căn cứ kế hoạch năm học 2024-2025 nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ vận động các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân có lòng hảo tâm tài trợ kinh phí để mua sắm trang thiết bị theo Thông tư 02 cho nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ; Lên dự toán triển khai giữa Ban giám hiệu nhà trường, Hội đồng nhà trường (Có biên bản họp).
3. Nhà trường báo cáo kế hoạch vận động với phòng Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, phê duyệt.
4. Nhà trường Ban hành quyết định thành lập Tổ tiếp nhận tài trợ gồm các thành phần sau:

Hiệu trưởng nhà trường (Tổ trưởng tổ tiếp nhận tài trợ), phó hiệu trưởng, kế toán, Ban đại diện cha mẹ học sinh, chủ tịch công đoàn, giáo viên chủ nhiệm các nhóm lớp).

Tổ tiếp nhận có trách nhiệm phân công nhiệm vụ các thành viên tổ chức các cuộc họp bàn thảo luận các vấn đề có liên quan đến việc tiếp nhận tài trợ, phổ biến, thông tin rộng rãi đến mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc hoạt động của hoạt động tài trợ, cung cấp thông tin về thời gian, địa chỉ...tiếp nhận tài trợ nhà trường; nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng các khoản tài trợ bằng hiện vật.
5. Gửi thư kêu gọi đến các tổ chức, cá nhân về việc vận động tài trợ.
6. Tổ chức tiếp nhận khoản tài trợ như sau:

Nhà trường mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng số tiền được tài trợ của các tổ chức, cá nhân tài trợ thông qua ban tiếp nhận tài trợ (bằng văn bản xác nhận tài trợ).

Nhà trường tiếp nhận quản lý và sử dụng kinh phí tài trợ theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành.

7. Quản lý, sử dụng tài trợ

Nhà trường lập kế hoạch sử dụng tài trợ, trong đó xác định rõ mục đích, đối tượng thụ hưởng, cách thức tổ chức thực hiện, tiến độ thực hiện.

Kế hoạch sử dụng tài trợ phải được công bố và niêm yết công khai trước khi tổ chức thực hiện ít nhất 15 ngày làm việc để lấy ý kiến đóng góp của toàn bộ giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và các nhà tài trợ. Công khai trên trang Websiter của nhà trường.

8. Tiến hành các công việc đã dự kiến theo huy động tài trợ.

9. Báo cáo tài chính và công khai tài chính

Nhà trường tổng hợp kịp thời vào báo cáo quyết toán thu, chi tài chính các khoản tài trợ và tiến hành công khai tài chính bao gồm: Tên khoản tài trợ, tên tổ chức tài trợ, giá trị tài trợ, quyết toán thu chi.

Hình thức công khai báo cáo tài chính: Bằng văn bản báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch vận động tài trợ đồng thời niêm yết tại đơn vị.

Thời điểm công khai: Việc công khai báo cáo tài chính được thực hiện ngay sau khi kết thúc quyết toán năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán.

Tổ chức thực hiện đánh giá về công tác vận động, tiếp nhận tài trợ đồng thời báo cáo công khai cho các cá nhân, tổ chức tài trợ.

10. Nhà trường và Ban vận động có thư cảm ơn đối với các tổ chức, cá nhân đã tham gia đóng góp tự nguyện; thông báo kết quả về các hạng mục mua sắm đã thực hiện được.

Trên đây là kế hoạch kêu gọi vận động tài trợ của Trường Mầm non Yên Thành năm học 2024-2025. Trường mầm non Yên Thành kính mong Phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét và phê duyệt./.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Sinh

**DỰ TOÁN MUA SẮM CÁC TRANG THIẾT BỊ
VÀ SỬA CHỮA CƠ SỞ VẬT CHẤT**

I. Thay cửa sổ khu Đô Hoàng

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cửa sổ khung nhôm kính: (5 bộ)	m ²	9,9	1.200.000	11.880.000
	Tổng				11.880.000

Bằng chữ: Mười một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng.

II. Mua cây máy vi tính

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cây máy tính	cái	3	5.000.000	15.000.000
	Tổng				15.000.000

Bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn

III. Mua trang thiết bị Thông tư 02 cho các lớp:

1. Trang thiết bị lớp 5 tuổi.

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	MN562021	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	Trẻ	12	5,000	60,000
2	MN562022	Mô hình hàm răng	Cái	Trẻ	3	60,000	180,000
3	MN562024	Vòng thẻ đục nhỏ 300mm	Cái	Trẻ	30	16,000	480,000
4	MN562029	Cột ném bóng	Cái	Trẻ	3	330,000	990,000
5	MN562030	Bóng các loại: Bóng Φ8: 2.200/quả	Quả	Trẻ	20	2,200	44,000
6	MN562031	Đồ chơi Bowling	Bộ	Trẻ	6	70,000	420,000
7	MN562032	Dây thùng (loại 6m)	Cái	Trẻ	3	80,000	240,000
8	MN562033	Nguyên liệu để đan tết	Bộ	Trẻ	3	90,000	270,000

9	MN562042	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	Trẻ	3	64,000	192,000
10	MN562045	Bộ luồn hạt bé	Bộ	Trẻ	3	160,000	480,000
11	MN562046	Bộ lắp ghép (Khối chữ X)	Bộ	Trẻ	2	140,000	280,000
12	MN562047	Đồ chơi các phương tiện giao thông bằng nhựa	Bộ	Trẻ	3	80,000	240,000
13	MN562048	Bộ lắp ráp xe lửa loại bé	Bộ	Trẻ	3	156,000	468,000
14	MN562049	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	Trẻ	3	540,000	1,620,000
15	MN562050	Bộ động vật sống dưới nước	Bộ	Trẻ	1	80,000	80,000
16	MN562051	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	Trẻ	1	80,000	80,000
17	MN562052	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	Trẻ	1	80,000	80,000
18	MN562053	Bộ côn trùng	Bộ	Trẻ	1	80,000	80,000
19	MN562054	Cân chia vạch	Cái	Trẻ	3	60,000	180,000
20	MN562055	Nam châm thẳng	Cái	Trẻ	3	32,000	96,000
21	MN562056	Kính lúp	Cái	Trẻ	3	30,000	90,000
22	MN562057	Phễu nhựa	Cái	Trẻ	3	4,000	12,000
23	MN562058	Bể chơi với cát và nước (bé)	Bộ	Trẻ	3	96,000	288,000
24	MN562059	Ghép nút lớn	Bộ	Trẻ	3	64,000	192,000
25	MN562060	Bộ ghép hình hoa 135	Bộ	Trẻ	3	70,000	210,000
26	MN562061	Bảng chun học toán	Bộ	Trẻ	3	28,000	84,000
27	MN562062	Đồng hồ học số, học hình	Cái	Trẻ	2	100,000	200,000
28	MN562063	Bàn tính học đếm	Cái	Trẻ	2	70,000	140,000
29	MN562064	Bộ làm quen với toán (MG 5-6 tuổi)	Bộ	Trẻ	15	96,000	1,440,000
30	MN562065	Bộ hình khối bé	Bộ	Trẻ	6	24,000	144,000
31	MN562066	Bộ nhận biết hình phẳng	Túi	Trẻ	10	18,000	180,000
32	MN562067	Bộ que tính	Bộ	Trẻ	12	8,000	96,000
33	MN562068	Lô tô động vật	Bộ	Dùng chung	3	7,000	21,000

2. Mua trang thiết bị Thông tư 02 cho các lớp 4 tuổi

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HÀNH TIỀN
1	MN452021	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	Trẻ	10	5,000	50,000
2	MN452022	Mô hình hàm răng	Cái	Trẻ	2	60,000	120,000
3	MN452024	Gậy thể dục nhỏ (300mm)	Cái	Trẻ	15	4,000	60,000
4	MN452025	Cổng chui	Cái	Trẻ	2	90,000	180,000
5	MN452026	Cột ném bóng	Cái	Trẻ	2	330,000	660,000
6	MN452029	Bảng chun học toán	Cái	Trẻ	6	28,000	168,000
7	MN452030	Ghế băng thể dục (4- 5 tuổi)	Cái	Trẻ	2	1,000,000	2,000,000
8	MN452032	Nguyên liệu để đan tết	Kg	trẻ	2	90,000	180,000
9	MN452033	Các khối hình học (bé)	Bộ	Trẻ	15	24,000	360,000
10	MN452034	Bộ xâu dây tạo hình	Hộp	Trẻ	15	42,000	630,000
11	MN452045	Lô tô dinh dưỡng	Bộ	Trẻ	2	7,000	14,000
12	MN452046	Bộ luồn hạt (loại bé)	Bộ	Trẻ	2	160,000	320,000
13	MN452047	Bộ lắp ghép (Khối chữ X)	Bộ	Trẻ	2	140,000	280,000
14	MN452057	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	Trẻ	2	64,000	128,000
15	MN452058	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	Trẻ	2	100,000	200,000
16	MN452059	Đồ chơi các phương tiện giao thông (bằng nhựa)	Bộ	Trẻ	2	80,000	160,000
17	MN452060	Bộ lắp ráp xe lửa (loại bé)	bộ	Trẻ	2	156,000	312,000
18	MN452070	Cân thăng bằng	Bộ	Trẻ	2	160,000	320,000
19	MN452071	Bộ làm quen với toán (Mẫu giáo 4-5T)	Bộ	Trẻ	10	76,000	760,000
20	MN452072	Đồng hồ lắp ráp	Bộ	Trẻ	2	160,000	320,000
21	MN452073	Bàn tính học đếm	Bộ	Trẻ	2	70,000	140,000
22	MN452074	Bộ hình học phẳng	Túi	Trẻ	20	18,000	360,000
23	MN452075	Ghép nút lớn	Túi	Trẻ	2	64,000	128,000

34	MN562069	Lô tô thực vật	Bộ	Dùng chung	3	7,000	21,000
35	MN562070	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	Dùng chung	3	7,000	21,000
36	MN562071	Lô tô đồ vật	Bộ	Dùng chung	3	7,000	21,000
37	MN562072	Domino chữ cái và số	Hộp	Trẻ	3	40,000	120,000
38	MN562076	Lịch của trẻ	Bộ	Trẻ	2	252,000	504,000
39	MN562083	Bộ dụng cụ lao động	Bộ	Trẻ	3	46,000	138,000
40	MN562084	Bộ đồ chơi nhà bếp	Bộ	Trẻ	3	66,000	198,000
41	MN562085	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Bộ	Trẻ	3	210,000	630,000
42	MN562086	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Bộ	Trẻ	3	70,000	210,000
43	MN562087	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	Trẻ	3	40,000	120,000
44	MN562088	Búp bê bé trai (bé)	Con	Trẻ	3	140,000	420,000
45	MN562089	Búp bê bé gái (bé)	Con	Trẻ	3	140,000	420,000
46	MN562090	Bộ trang phục công an	Bộ	Trẻ	2	200,000	400,000
47	MN562091	Doanh trại bộ đội	Bộ	Trẻ	2	100,000	200,000
48	MN562092	Bộ trang phục bộ đội	Bộ	Trẻ	2	180,000	360,000
49	MN562093	Bộ trang phục công nhân	Bộ	Trẻ	2	180,000	360,000
50	MN562094	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	Trẻ	2	70,000	140,000
51	MN562095	Bộ trang phục bác sỹ	Bộ	Trẻ	2	90,000	180,000
52	MN562096	Gạch xây dựng	Thùng	Trẻ	1	360,000	360,000
53	MN562097	Bộ xếp hình xây dựng (44 Chi tiết)	Bộ	Trẻ	1	290,000	290,000
54	MN562098	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	Trẻ	2	66,000	132,000
55	MN562099	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp (Bao gồm: phách, trống cơm, song loan)	Cái	Trẻ	30	80,000	2,400,000
Cộng							17,302,000

Bảng chữ: Mười bảy triệu, ba trăm linh hai nghìn đồng.

24	MN452076	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bộ	Trẻ	2	66,000	132,000
25	MN452077	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	Trẻ	1	280,000	280,000
26	MN452082	Lô tô động vật	Bộ	Dùng chung	10	7,000	70,000
27	MN452083	Lô tô thực vật	Bộ	Dùng chung	10	7,000	70,000
28	MN452084	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	Dùng chung	10	7,000	70,000
29	MN452085	Lô tô đồ vật	Bộ	Dùng chung	10	7,000	70,000
30	MN452086	Tranh nhận biết các số lượng	Tờ	Trẻ	2	32,000	64,000
31	MN452087	Domino chữ cái và số	Bộ	Trẻ	2	40,000	80,000
32	MN452089	Lô tô hình và số lượng	Bộ	Trẻ	10	7,000	70,000
33	MN452100	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	Bộ	Trẻ	1	560,000	560,000
34	MN452103	Dụng cụ gỗ đệm theo phách nhịp (Bao gồm: phách, trống cơm, song loan)	Bộ	Trẻ	10	80,000	800,000
Cộng							10,116,000

Bằng chữ: Mười triệu một trăm mười sáu nghìn đồng

3. Mua trang thiết bị Thông tư 02 cho các lớp 3 tuổi.

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	MN342021	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	Trẻ	6	5,000	30,000
2	MN342022	Mô hình hàm răng	Cái	Trẻ	2	60,000	120,000
3	MN342025	Cột ném bóng	Cái	Trẻ	2	330,000	660,000
4	MN342030	Cổng chui	Cái	Trẻ	2	90,000	180,000
5	MN342032	Bóng to Φ 10	Quả	Trẻ	10	4,000	40,000
6	MN342040	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	Trẻ	4	48,000	192,000
7	MN342041	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	Trẻ	4	48,000	192,000
8	MN342042	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	Trẻ	4	48,000	192,000
9	MN342043	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	Trẻ	4	48,000	192,000
10	MN342044	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	Trẻ	6	66,000	396,000

11	MN342045	Ghép nút lớn	Túi	Trẻ	4	64,000	256,000
12	MN342046	Tháp dinh dưỡng	Tờ	Trẻ	1	3,000	3,000
13	MN342048	Búp bê bé gái (bé)	Con	Trẻ	1	140,000	140,000
14	MN342049	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	Trẻ	4	70,000	280,000
15	MN342050	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	Trẻ	2	70,000	140,000
16	MN342051	Bộ xếp hình trên xe (35 chi tiết)	Bộ	Trẻ	4	260,000	1,040,000
17	MN342052	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	Trẻ	2	280,000	560,000
18	MN342053	Gạch xây dựng	Thùng	Trẻ	2	360,000	720,000
19	MN342054	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	Trẻ	2	64,000	128,000
20	MN342055	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	Trẻ	2	100,000	200,000
21	MN342056	Đồ chơi các phương tiện giao thông (bằng nhựa)	Bộ	Trẻ	2	80,000	160,000
22	MN342057	Bộ động vật biển	Bộ	Trẻ	2	80,000	160,000
23	MN342058	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	Trẻ	2	80,000	160,000
24	MN342059	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	Trẻ	2	80,000	160,000
25	MN342060	Bộ côn trùng	Bộ	Trẻ	2	80,000	160,000
26	MN342062	Kính lúp	Cái	Trẻ	2	30,000	60,000
27	MN342065	Bộ làm quen với toán (3-4 tuổi)	Bộ	Trẻ	20	56,000	1,120,000
28	MN342067	Bộ hình học phẳng	Túi	Trẻ	20	18,000	360,000
29	MN342069	Tranh các loại hoa, quả, củ	Bộ	Dùng chung	2	30,000	60,000
30	MN342070	Tranh các con vật	Bộ	Dùng chung	2	30,000	60,000
31	MN342071	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	Dùng chung	2	30,000	60,000
32	MN342072	Đồng hồ học đếm 2 mặt	Cái	Trẻ	2	300,000	600,000
33	MN342073	Hộp thả hình	Cái	Trẻ	2	44,000	88,000
34	MN342074	Bàn tính học đếm	Cái	Trẻ	2	70,000	140,000
	Cộng						9,009,000

Bảng chữ: Chín triệu không trăm linh chín nghìn đồng

4. Mua trang thiết bị theo thông tư 02 cho các lớp Nhà trẻ

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	MN232022	Bóng nhỏ (Bóng Φ 6)	Quả	Trẻ	20	1,400	28,000
2	MN232023	Bóng to (Bóng Φ 10)	Quả	Trẻ	12	4,000	48,000
3	MN232024	Gậy thể dục nhỏ (300mm)	Cái	Trẻ	30	4,000	120,000
4	MN232026	Vòng thể dục nhỏ (300mm)	Cái	Trẻ	20	16,000	320,000
5	MN232032	Hộp thả hình	Bộ	Trẻ	7	44,000	308,000
6	MN232033	Lồng hộp vuông	Bộ	Trẻ	3	20,000	60,000
7	MN232034	Lồng hộp tròn	Bộ	Trẻ	4	20,000	80,000
8	MN232035	Bộ xâu hạt (loại bé)	Bé	Trẻ	7	160,000	1,120,000
9	MN232036	Bộ xâu dây	Bộ	Trẻ	7	42,000	294,000
10	MN232040	Bộ tháo lắp vòng	Bộ	Trẻ	6	70,000	420,000
11	MN232043	Bộ rau, củ, quả (Túi nhựa)	Bộ	Trẻ	2	64,000	128,000
12	MN232044	Đồ chơi các con vật nuôi trong gia đình	Bộ	Trẻ	1	80,000	80,000
13	MN232046	Đồ chơi các con vật sống trong rừng	Bộ	Trẻ	1	80,000	80,000
14	MN232047	Đồ chơi các loại rau, củ, quả	Bộ	Trẻ	2	64,000	128,000
15	MN232048	Tranh ghép các con vật	Bộ	Trẻ	2	60,000	120,000
16	MN232049	Tranh ghép các loại quả	Bộ	Trẻ	2	60,000	120,000
17	MN232051	Đồ chơi với cát (bộ bé)	Bộ	Trẻ	2	96,000	192,000
18	MN232054	Tranh vẽ các loại rau, củ, quả, hoa	Bộ	Dùng chung	1	30,000	30,000
19	MN232055	Tranh các phương tiện giao thông	Bộ	Dùng chung	1	30,000	30,000
20	MN232059	Lô tô các loại quả	Bộ	Dùng chung	40	7,000	280,000
21	MN232060	Lô tô các con vật	Bộ	Dùng chung	40	7,000	280,000
22	MN232061	Lô tô các phương tiện giao thông	Bộ	Dùng chung	35	7,000	245,000
23	MN232062	Lô tô các hoa	Bộ	Dùng chung	45	7,000	315,000

24	MN232064	Khối hình to	Bộ	Trẻ	12	50,000	600,000
25	MN232065	Khối hình nhỏ	Bộ	Trẻ	12	24,000	288,000
26	MN232066	Búp bê bé trai (cao - thấp)	Con	Trẻ	3	180,000	540,000
27	MN232067	Búp bê bé gái (cao - thấp)	Con	Trẻ	4	180,000	720,000
28	MN232068	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	Trẻ	2	66,000	132,000
29	MN232069	Bộ bàn ghế giường tủ	Bộ	Trẻ	2	210,000	420,000
30	MN232070	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	Trẻ	3	70,000	210,000
31	MN232071	Giường búp bê	Bộ	Trẻ	3	260,000	780,000
32	MN232073	Xắc xô nhỏ (Φ12)	Cái	Trẻ	16	14,000	224,000
33	MN232074	Phách gỗ	bộ	Trẻ	16	16,000	256,000
34	MN232075	Trống cơm	Cái	Trẻ	4	36,000	144,000
35	MN232076	Xúc xắc	Cái	Trẻ	4	20,000	80,000
Cộng							9,220,000

Bằng chữ: Chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng

Cộng: $I + II + III = 1 + 2 + 3 = 45.647.000$ đồng

Tổng cộng: $I + II + III = 72.527.000$ đồng

Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng

Ngày 09 tháng 10 năm 2024

Người lập dự toán



Hà Thị Huyền Trang

T/MNHA TRƯỜNG



Phạm Thị Sinh